**TUẦN 23**

**TOÁN**

**Bài 53: LUYỆN TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:*** Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

- Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  - Củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.  - Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 34Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 34, 35 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: VBT tr 34. Chọn đáp án đúng**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Nêu cách làm bài của mình  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại và nêu cách tính.  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.* | - Học sinh trả lời kết quả  a) Đáp án: B  Vì áp dụng quy tắc tính diện tích hình vuông lấy cạnh nhân cạnh. Tức là: 7 x 7 = 49  b) Đáp án: C  Vì áp dụng quy tắc tính diện tích hình chữ nhật lấy chiều dài nhân chiều rộng. Tức là: 8 x 5 = 40  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: VBT tr 34**  ***Một hình chữ nhật có chiều rộng 7cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn tính diện tích hình chữ nhật áp dụng quy tắc như thế nào?  - Chiều rộng đã biết chưa?  - Bào toán cho chiều rộng là bao nhiêu?  - Vậy muốn tính diện tích ta làm gì trước?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách thực hiện và trình bày bài toán có lời văn (hai phép tính) với bài toán liên quan thực tế về diện tích.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy chiều dài nhân chiều rộng.  - Đã biết là 7cm  - Chưa cho chiều rộng, chỉ biết chiều dài gấp đôi chiều rộng  - Tính chiều dài. Thực hiện phép nhân, chiều rộng nhân 2.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Chiều dài hình chữ nhật là:  7 x 2 = 14 (cm)  Diện tích hình chữ nhật đó là:  14 x 7 = 98 (cm2)  Đáp số: 98 (cm2) |
| **\* Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm. VBT/34.**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Nêu cách làm bài của mình  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại và nêu cách tính.  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông bằng hình ảnh trực quan* | - Hình A có diện tích là: 18 cm2  Vì có 12 ô vuông có diện tích 1 cm2, lấy hình tam giác phía trên ghép lại với nhau tạo thành 6 ô vuông có diện tích 1 cm2, vậy có tất cả 18 ô vuông nên diện tích là 18 cm2.  - Hình B có diện tích là: 18 cm2  Vì có tất cả 18 ô vuông nên diện tích là 18 cm2.  - Hình C có diện tích là: 16 cm2  Vì có tất cả 16 ô vuông nên diện tích là 16 cm2.  - Hai hình có diện tích bằng nhau là: hình A và B  - HS nhận xét |
| **\* Bài 4: VBT tr 35**  ***Một chiếc bánh hình vuông có chu vi bằng 24 cm. Tính diện tích của chiếc bánh đó?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn tính diện tích chiếc bánh hình vuông áp dụng quy tắc như thế nào?  - Cạnh cái bánh đã biết chưa?  - Vậy tính cạnh cái bánh sẽ làm như thế nào?  - Vậy muốn tính diện tích ta làm gì trước?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách thực hiện và trình bày bài toán có lời văn (hai phép tính) với bài toán liên quan thực tế về diện tích.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy cạnh nhân cạnh  - chưa  - dựa vào chu vi cái bánh bài toán đã cho.  - Tính cạnh. Lấy chu vi chia 4  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Cạnh cái bánh hình vuông là:  24 : 4 = 6 (cm)  Diện tích cái bánh hình vuông là:  6 x 6 = 36 (cm2)  Đáp số: 36 (cm2)  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”  - GV nêu cách chơi: chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 3 bạn nối tiếp nhau thực hiện tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật. Đội nào tính nhanh, chính xác và thuận tiện là đội thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 53: LUYỆN TẬP CHUNG.**

**LUYỆN TẬP (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:*** Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

- Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.  + Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 35 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 35, 36 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: VBT tr 35.**  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn tính diện tích tấm phảng ta làm như thế nào?  - Vậy muốn tính diện tích 9 nan gỗ ta làm gì trước?  - Diện tích 1 nan gỗ thực hiện tính như thế nào?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách thực hiện và trình bày bài toán có lời văn với bài toán liên quan thực tế về diện tích.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Cần tính diện tích 9 nan gỗ đã ghép thành tấm phảng.  - Tính diện tích 1 nan gỗ.  - Áp dụng quy tắc tính diện tích hình chữ nhật. lấy chiều dài nhân chiều rộng.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Diện tích 1 nan gỗ hình chữ nhật đó là:  130 x 7 = 910 (cm2)  Diện tích tấm phảng là:  910 x 9 = 8190 (cm2)  Đáp số: 8190 (cm2) |
| **\* Bài 2: VBT tr 36**  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  ***a) Tính diện tích mỗi hình chữ nhật có trong hình M***  ***b) Tính diện tích hình M***  - Muốn tính diện tích hình chữ nhật áp dụng quy tắc như thế nào?  - hình chữ nhật ABCD có chiều dài, chiều rộng là bao nhiêu?  - hình chữ nhật DEGH có chiều dài, chiều rộng là bao nhiêu?  - Muốn tính diện tích hình M sẽ làm như thế nào?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách thực hiện và trình bày bài toán có lời văn (hai phép tính) với bài toán liên quan thực tế về diện tích.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy chiều dài nhân chiều rộng.  - 7cm và 4 cm  - 10cm và 5 cm  - Lấy diện tích mỗi hình chữ nhật cộng lại.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  a) Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  7 x 4 = 28 (cm2)  Diện tích hình chữ nhật DEGH là:  10 x 5 = 50 (cm2)  b) Diện tích hình chữ nhật M là:  28 + 50 = 78 (cm2)  Đáp số: a) 28 (cm2); 50 (cm2)  b) 78 (cm2) |
| **\* Bài 3: VBT/36.**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Nêu cách làm bài của mình  3  2  1  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại và nêu cách tính.  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông bằng hình ảnh trực quan* | - Hình 1 có diện tích là:  10 x 8 = 80 cm2  Hình 1 có chu vi là:  (10 + 8) x 2 = 36 cm  - Hình 2 có diện tích là:  9 x 8 = 72 cm2  Hình 1 có chu vi là:  (9 + 8) x 2 = 34 cm  - Hình 2 có diện tích là:  9 x 9 = 81 cm2  Hình 1 có chu vi là:  9 x 4 = 36 cm  - Việt cắt giấy có chu vi bằng Nam nhưng diện tích nhỏ hơn nên Việt cắt hình 1, Nam hình 3, vậy hình 2 là Mai cắt.  => Như vậy hình 1 tô màu vàng, hình 2 tô màu đỏ, hình 3 tô màu xanh.  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”  - GV nêu cách chơi: chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 3 bạn nối tiếp nhau thực hiện tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật. Đội nào tính nhanh, chính xác và thuận tiện là đội thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 10: CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000**

**Bài 54: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 000 (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- HS thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  +HS thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).  + Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 37 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 37, 38 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính (VBT /37)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Đặt tính rồi tính (VBT / 37)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\*Bài 3: VBT/37**  ***Vườn thứ 1: 5 500 kg cà phê***  ***Vườn thứ 2: nhiều hơn vườn thứ 1:***  ***1 500kg cà phê***  ***Vườn thứ 2: …kg cà phê?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Tìm số cà phê vườn thứ 2 thu hoạch như thế nào?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Hs nêu  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số kg cà phê vườn thứ 2 thu hoạch là:  5 500 + 1 500 = 7 000 (kg)  Đáp số: 7 000 kg |
| **\* Bài 4: (VBT/ 38)**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm.  **-** GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài và hình được tô màu  - Học sinh nhận xét  - HS lắng nghe |
| **3. HĐ Vận dụng**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Ai nhanh, ai đúng? để học sinh nhận biết cách đặt tính và thực hiện tính cộng đúng  + Bài tập: Đúng điền Đ; Sai điền S vào chỗ chấm:  a) 4625 b) 4 625 c) 5 625  + 438 + 428 + 438  9005….. 5053 …… 5063 ……  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**Bài 54: LUYỆN TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Rèn kĩ năng tính nhẩm, kĩ năng tính đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  +Thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).  + Rèn kĩ năng tính nhẩm, kĩ năng tính đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 38 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, /39 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính nhẩm (VBT tr.38)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố tròn nghìn bằng cách tính nhẩm.* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Đặt tính rồi tính (VBT tr. 39)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố tròn trăm bằng cách tính nhẩm.* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\*Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm VBT/39**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố tròn tram, tròn nghìn bằng cách tính nhẩm.* | - HS thực hiện nhẩm và nêu kết quả ở tửng cây  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\*Bài 4: VBT/39**  ***Cánh quân thứ 1: 3 700 kg quân lính***  ***Cánh quân thứ 2: nhiều hơn vườn thứ 1:***  ***800 kg quân lính***  ***Cả hai cánh quân: … quân lính***?  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Tìm số quân lính ở cánh quân thứ 2 như thế nào?  - Tìm số quân lính ở 2 cánh quân như thế nào?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Hs nêu  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số quân lính ở cánh thứ 2 là:  3 700 + 800 = 4 500 (quân lính)  Số quân lính ở 2 cánh quân là:  3 700 + 4 500 = 8 200 (quân lính)  Đáp số: 8 200 quân lính |
| **3. HĐ Vận dụng**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Ai nhanh, ai đúng? để học sinh nhận biết cách đặt tính và thực hiện tính cộng đúng  + Bài tập: Tính nhẩm  a. 7000 + 2000 b. 5400 + 200  c. 4800 + 200 c. 2600 + 400  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**Bài 55: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 000 (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ các số có đến bốn chữ số [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Thực hiện được phép trừ các số có đến bốn chữ số [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).  + Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 40 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 40, 41 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính (VBT tr. 40)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép trừ* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Đặt tính rồi tính (VBT tr. 40)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép trừ* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\*Bài 3: Nối phép tính với kết quả thích hợp VBT/40**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách thực hiện phép cộng, trừ* [*các số có đến bốn chữ s*](https://blogtailieu.com/)*ố* [*(có nhớ không quá hai l*](https://blogtailieu.com/)*ượt và không liên tiếp)* | - Học sinh làm bài cá nhân và nêu kết quả từng bài  - Học sinh nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\*Bài 4: VBT/41**  ***Đỉnh Phan-xi-băng: 3 143m***  ***Đỉnh Tây Côn Lĩnh: 2 427m***  ***Đỉnh Phan-xi-băng cao hơn đỉnh Tây Côn Lĩnh : …m?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Tìm Đỉnh Phan-xi-băng cao hơn đỉnh Tây Côn Lĩnh : …m***?*** như thế nào?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *🡺 Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Hs nêu  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Đỉnh Phan-xi-băng cao hơn đỉnh Tây Côn Lĩnh là:  3 143 – 2 427 = 716 (m)  Đáp số: 716 m |
| **3. HĐ Vận dụng**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Ai nhanh, ai đúng? để học sinh nhận biết cách đặt tính và thực hiện tính cộng đúng  + Bài tập: Đúng điền Đ; Sai điền S vào chỗ chấm:  a) 4455 b) 4 655 c) 6655  - 438 - 138 - 438  275….. 4217 …… 4227 ……  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |